

Số: 550/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch 5 năm 2011 - 2015
của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 207/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2010, có tính đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 343/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2010, có tính đến năm 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm 2011- 2015 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam với những nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

- Xây dựng và phát triển Tập đoàn Hoá chất Việt Nam trở thành Tập đoàn kinh tế mạnh, đi đầu trong sản xuất hoá chất cơ bản và sản phẩm hoá chất phục vụ sản xuất nông nghiệp và tiêu dùng đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Phát triển bền vững, đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo an toàn cho người lao động và sức khỏe cộng đồng.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 - 2015 của Tập đoàn đạt mức 14,5%/năm.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu

Giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2011 - 2015 (theo giá cố định 1994) phấn đấu tăng trưởng bình quân 14,5%/năm. Doanh thu ước tăng bình quân 17 - 18%/năm. Lợi nhuận ước tăng bình quân 16 - 6,5%/năm. Nộp ngân sách ước tăng bình quân 13,7%/năm. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 25,3%/năm.

Chi tiết kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu như Phụ lục I đính kèm.

2. Kế hoạch sản lượng sản phẩm chủ yếu đến năm 2015

Chi tiết kế hoạch sản lượng sản phẩm chủ yếu đến năm 2015 như Phụ lục II đính kèm. Riêng tổng sản lượng phân bón sản xuất trong kỳ ước đạt 30 triệu tấn, cơ bản đáp ứng đủ phân bón cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp trong nước và có một phần xuất khẩu.

III. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CỤ THỂ

1. Kế hoạch đầu tư các dự án giai đoạn 2011 - 2015

- Đến năm 2015, Tập đoàn sẽ đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng phân bón trong nước và hướng tới xuất khẩu.

- Phát triển các sản phẩm cao su công nghệ cao, đầu tư công nghệ hiện đại đối với một số sản phẩm như lốp ô tô theo công nghệ radial, săm ô tô, xe máy từ cao su tổng hợp và sản phẩm cao su kỹ thuật để thay thế nhập khẩu phục vụ các ngành công nghiệp, y tế, chế biến thực phẩm.

- Lập dự án đầu tư xây dựng công trình, tìm đối tác và triển khai dự án liên doanh sản xuất hydroxyt nhôm để phát triển sản xuất hóa chất; mở rộng công suất một số nhà máy sản xuất axit H_2SO_4 và H_3PO_4 để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất Sunphat Amon và phân phức hợp DAP; thực hiện dự án sản xuất thuốc kháng sinh loại Cephalosporin công suất 300 tấn/năm và Vitamin C để đáp ứng nhu cầu trong nước và tham gia xuất khẩu.

- Mở rộng công suất và đầu tư chiều sâu để nâng cao chất lượng, đa dạng các sản phẩm pin, ắc quy; chú trọng đầu tư công nghệ hiện đại, trình độ tự động hóa cao để sản xuất các sản phẩm pin cao cấp sử dụng trong các thiết bị viễn thông, máy tính, đồng hồ, máy ảnh, ô tô điện... và các loại ắc quy có lợi thế cạnh tranh tăng giá trị xuất khẩu.

- Đến năm 2015 sản xuất đạt 500.000 tấn chất tẩy rửa các loại; tập trung nghiên cứu sản xuất nguyên liệu, hương liệu trong nước thay thế nhập khẩu.

- Khai thác chế biến hiệu quả một số loại quặng khoáng trong nước và muối mỏ tại nước ngoài nhằm đáp ứng đủ nhu cầu nguyên liệu cơ bản cho sản xuất các sản phẩm của Tập đoàn, tiến tới cân bằng tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu.

a) Tổng giá trị dự kiến thực hiện giai đoạn 2011 - 2015: 60.982 tỷ đồng, gồm (Danh mục dự án như Phụ lục III đính kèm)

- Dự án của Công ty mẹ: 27.472 tỷ đồng, trong đó:

+ Dự án thực hiện đầu tư: 27.450 tỷ đồng (9 dự án).

+ Dự án chuẩn bị đầu tư: 22 tỷ đồng (6 dự án).

- Dự án của các đơn vị thành viên và công ty cổ phần do Tập đoàn giữ cổ phần chi phối: 33.510 tỷ đồng, trong đó:

+ Dự án về phân bón: 17.169 tỷ đồng (12 dự án).

+ Dự án về nguyên liệu quặng: 1.956 tỷ đồng (5 dự án).

+ Dự án về sản phẩm cao su: 5.627 tỷ đồng (2 dự án).

+ Dự án về hóa chất cơ bản: 6.340 tỷ đồng (6 dự án).

+ Dự án về chất tẩy rửa: 82 tỷ đồng (1 dự án).

+ Dự án về thuốc bảo vệ thực vật: 2.020 tỷ đồng (4 dự án).

+ Dự án về ắc quy: 316 tỷ đồng (9 dự án).

b) Nguồn vốn

- Vốn vay tín dụng nhà nước: 26.780 tỷ đồng.

- Vốn khác: 34.712 tỷ đồng.

c) Tiến độ giải ngân

- Năm 2011: 4.987 tỷ đồng.

- Năm 2012: 8.663 tỷ đồng.

- Năm 2013: 16.306 tỷ đồng.

- Năm 2014: 18.555 tỷ đồng.

- Năm 2015: 12.471 tỷ đồng.

2. Kế hoạch đa dạng hóa hoạt động

a) Phát triển các sản phẩm từ lợi thế công nghệ và nguyên liệu của Tập đoàn để phục vụ nhu cầu đa dạng của nền kinh tế, đặc biệt là các sản phẩm phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sản phẩm là đầu vào cho các ngành công nghiệp và sản phẩm phục vụ các nhu cầu thiết yếu của xã hội.

b) Triển khai các dự án xây dựng cải tạo, mở rộng nhằm khai thác lợi thế, tiềm năng về địa điểm khu đất hiện có của Tập đoàn tại những địa điểm thuộc trung tâm Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu theo đúng quy hoạch của các địa phương nêu trên.

c) Tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty Tài chính cổ phần hoá chất Việt Nam, tạo cơ sở cung cấp các nguồn vốn vay cho các đơn vị thuộc Tập đoàn .

d) Lựa chọn và tiến tới hợp tác với một hoặc một số Tập đoàn, doanh nghiệp trong nước và khu vực để phát triển đầu tư ra nước ngoài như Dự án khai thác muối mỏ Kali tại Lào, sản xuất amoniac, v.v...

3. Kế hoạch phát triển thị trường

Tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng các sản phẩm chủ lực hiện có theo hướng:

- Giữ vững thị phần sản phẩm phân bón tại các thị trường hiện có, phát triển các phân đoạn thị trường mới nhằm mục tiêu phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững; mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước quanh khu vực;

- Phát triển các sản phẩm mới về cao su kỹ thuật, hóa than, hoá dầu, hóa dược, hoá chất cơ bản theo hướng nâng cao chất lượng và đảm bảo an toàn cho người sử dụng. Các dự án đầu tư mới ở các nhóm sản phẩm này coi yếu tố an toàn khi sử dụng và thân thiện môi trường là tiêu chí hàng đầu đối với yêu cầu phát triển bền vững;

- Phát triển thị trường xuất khẩu theo hướng tham gia vào các chuỗi giá trị khu vực trước hết là thông qua các liên doanh để cung cấp các sản phẩm hỗ trợ có các lợi thế so sánh như lốp ô tô, lốp xe máy, ắc quy, pin;

- Hoàn thiện hệ thống cung ứng và phân phối nguyên liệu, sản phẩm trên phạm vi toàn Tập đoàn để sử dụng các nguồn lực một cách hiệu quả nhất. Đồng thời, có điều kiện tập trung nguồn lực để tham gia vào các cân đối vĩ mô của kinh tế trong nước theo yêu cầu của Chính phủ nhằm đối phó với các diễn biến bất lợi từ kinh tế thế giới.

- Tổ chức hệ thống thông tin thị trường tập trung ở cấp Tập đoàn để có đủ khả năng cập nhật, xử lý và dự báo kịp thời các biến động ở cả thị trường trong nước và thế giới.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Giải pháp về tài chính

- Các nguồn tài chính của Tập đoàn trước hết được sử dụng cho phát triển các nhóm sản phẩm mũi nhọn: Phân bón, cao su và hóa chất cơ bản, trong đó tập trung vào lĩnh vực phân bón, bảo đảm nguồn cung và tham gia bình ổn giá.

- Thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn của Tập đoàn nhằm huy động vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư các dự án trọng điểm theo các kênh khác nhau.

- Thực hiện phân tích và báo cáo tài chính cho quản trị doanh nghiệp định kỳ tháng, quý, năm.

2. Giải pháp về sản xuất

- Tăng cường năng lực vận hành, bảo trì hệ thống thiết bị công nghệ bảo đảm sản xuất ổn định, phát huy tối đa công suất.

- Không ngừng hoàn thiện hệ thống sản xuất đối với các ngành hàng, đảm bảo hiệu quả sản xuất, đáp ứng nhu cầu thị trường với chất lượng cao nhất, tính năng tốt nhất và giá cả phù hợp.

- Xây dựng hệ thống cung ứng tập trung cho toàn Tập đoàn, kết hợp với phân quyền cho các Công ty con theo mô hình quản lý dự trữ hiện đại bảo đảm ổn định nguồn nguyên phụ liệu.

- Xây dựng quy hoạch hệ thống kho chứa sản phẩm, nhất là cho phân bón để vừa bảo đảm cho sản phẩm của Tập đoàn, vừa kinh doanh kho chứa cho hoạt động xuất nhập khẩu trên cơ sở cân đối dự trữ hợp lý với khả năng cung - cầu.

3. Giải pháp về marketing

- Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện chính sách thương hiệu, hình thành văn hóa doanh nghiệp mang đậm hình ảnh của Tập đoàn.

- Xây dựng thương hiệu chung của Tập đoàn. Phát triển các nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm của các Công ty con dưới thương hiệu của Tập đoàn.

- Xây dựng và chuẩn hoá quy tắc, cách thức ghi nhãn hiệu hàng hoá thống nhất trên tất cả các loại sản phẩm, dịch vụ của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem). Đăng ký mã vạch và tem hàng hoá cho các sản phẩm đủ điều kiện. Xây dựng, triển khai đề án chống hàng giả, hàng nhái.

- Triển khai hệ thống phân phối và dự trữ để củng cố thể mạnh trên thị trường. Phối hợp với các địa phương thành lập mạng lưới dịch vụ phân bón và xây dựng kênh bán hàng từ các nhà máy đến các dịch vụ này nhằm hạn chế tình trạng đầu cơ, ép giá nông dân. Tích cực tham gia vào nhiệm vụ dự trữ lưu thông, bình ổn giá, đặc biệt là với mặt hàng phân bón.

- Mở rộng nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại, đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa có tiềm năng.

- Mở rộng hoạt động marketing với các tổ chức, cá nhân tư vấn, sẵn sàng tham gia với các tổ chức, cá nhân ngoài nước, đặc biệt là các tổ chức quốc tế có uy tín.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch đổi mới doanh nghiệp giai đoạn 2011 - 2015 của Tập đoàn sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Thành lập Trường Đại học Hóa chất Việt Nam để phát triển nguồn nhân lực chuyên sâu cho ngành.

- Tuyển dụng mới nhân sự cho Tập đoàn, chú ý đội ngũ nhân sự có chất lượng đảm bảo cho sự phát triển của Tập đoàn trong tương lai.

- Chú trọng thu hút các chuyên gia đầu ngành, đặc biệt quan tâm lực lượng nhân sự quốc tế và Việt kiều trong điều kiện hội nhập.

- Hoàn thiện hệ thống hồ sơ, dữ liệu nhân sự bằng phần mềm quản trị nhân sự, đồng thời hoàn thiện chính sách đánh giá, khen thưởng, thuyên chuyển và đề bạt.

- Xây dựng đơn vị tư vấn chuyên ngành (gồm Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất, Công ty Mỏ - INCODEMIC) đủ mạnh để thực hiện các nhiệm vụ tư vấn đầu tư các dự án của Tập đoàn.

5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

- Tiếp cận công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường để nâng cấp chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh bền vững.

- Hướng các hoạt động nghiên cứu phát triển của Viện Hóa học công nghiệp Việt Nam phục vụ cho phát triển công nghệ và các sản phẩm, nguyên liệu cho ngành.

- Thông qua các dự án liên doanh với nước ngoài về hoá than, hóa dầu, hóa dược, tạo bước đột phá về công nghệ.

- Nghiên cứu chuyển giao và ứng dụng công nghệ tuyển quặng Apatit loại II và loại IV để sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn quặng apatit phục vụ sản xuất phân bón và các sản phẩm khác phục vụ nền kinh tế quốc dân.

6. Giải pháp về quản lý và điều hành.

- Xây dựng đề án tái cấu trúc Tập đoàn theo định hướng kế hoạch tái cấu trúc, kiện toàn tổ chức của Tập đoàn theo Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hình thành hệ thống quản lý hỗn hợp, kết hợp sự quản lý tập trung cao, tạo sức mạnh cho Tập đoàn đồng thời thực hiện phân quyền cho các công ty thành viên để phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Phát triển các mối quan hệ hợp tác và liên kết trong sản xuất kinh doanh với các tập đoàn trong nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương

a) Chịu trách nhiệm chính trong việc thường xuyên giám sát, đánh giá toàn diện tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn hoá chất Việt Nam, bảo đảm doanh nghiệp thực hiện hoàn thành kế hoạch đã được phê duyệt.

b) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính kịp thời xử lý những phát sinh cần giải quyết trong quá trình thực hiện kế hoạch; báo cáo Thủ tướng Chính phủ giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền.

2. Các Bộ, ngành liên quan theo thẩm quyền chức năng được giao chỉ đạo và phối hợp với Tập đoàn hóa chất Việt Nam tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tạo điều kiện hỗ trợ để Tập đoàn hóa chất Việt Nam cụ thể hoá kế hoạch đề ra.

4. Hội đồng thành viên Tập đoàn hóa chất Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, bảo đảm hoàn thành kế hoạch đã được phê duyệt. Thực hiện chế độ báo cáo việc thực hiện kế hoạch và những vấn đề vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các PTT Chính phủ;
- Các Bộ: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Công an, Quốc phòng, Y tế, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Tập đoàn Hoá chất Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ: KTTH, TH, PL, KGVX, ĐMDN, QHQT;
- Lưu: VT, KTN (5b).N 190

**K.T THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hoàng Trung Hải

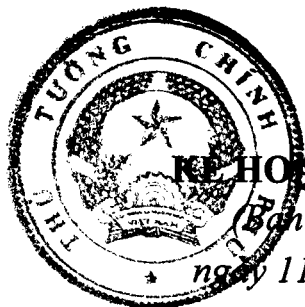


Phụ lục I

KẾ HOẠCH CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2015

Ban hành kèm theo Quyết định số 550/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	TH 2010	Ước 2011	Kế hoạch năm				Tăng trưởng bình quân (%)
					2012	2013	2014	2015	
1	Giá trị SXCN (giá 1994)	Tỷ đồng	13.773	15.343	17.260	19.260	23.102	27.150	114,5
	Tốc độ tăng trưởng	%		111,40	112,49	111,59	111,95	117,52	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	29.838	38.650	44.358	48.000	56.000	67.000	117,6
	Tốc độ tăng trưởng	%		129,53	114,77	108,21	116,67	119,64	
3	Lợi nhuận	Tỷ đồng	2.844	2.900	3.000	4.000	5.000	6.000	116,1
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1.255	1.464	1.477	1.790	2.075	2.380	113,7
5	Kim ngạch nhập khẩu	1000 USD	227	459	600	700	700	400	112,0
6	Kim ngạch xuất khẩu	"	162	205	235	300	400	500	125,3



Phụ lục II
KẾ HOẠCH SẢN PHẨM CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số 550/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Sản phẩm chủ yếu	Đơn vị	TH 2010	Ước 2011	Kế hoạch năm			
					2012	2013	2014	2015
1	Quặng apatit	1000 tấn	2.364	2.580	2.960	3.370	3.780	5.160
2	Phân supe lân	1000 tấn	961	1.020	1.050	1.050	1.050	1.050
3	Phân lân nung chảy	"	474	545	675	800	900	1.000
4	Phân DAP	"	156	236	330	330	384	800
5	Phân đạm Urê	"	190	196	407	750	800	1.100
6	Phân NPK	"	1.727	1.986	2.102	2.500	3.200	4.000
7	Sunphat Amon	"				100	400	600
8	Thuốc bảo vệ thực vật	"	11	11	12	13	15	18
9	Xút (NaOH) thương phẩm	"	29	37	38	60	90	100
10	Axit H ₂ SO ₄ thương phẩm	"	68	74	78	120	135	150
11	Lốp ô tô	1000 bộ	1.970	1.756	1.896	2.600	3.200	4.000
12	Ắc quy các loại	1000 kwh	1.750	1.805	1.910	2.300	2.600	3.000
13	Chất giặt rửa	1000 tấn	383	315	376	350	400	500
14	Thuốc kháng sinh	"					0,05	0,10



Phụ lục III
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2011 - 2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số 550/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Khởi công - Hoàn thành	Công suất thiết kế	TMĐT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2011-2015 (tỷ đồng)				Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)				
								Tổng số	NS	TDNN	Khác	2011	2012	2013	2014	2015
	TỔNG SỐ							60.982	0	26.270	34.712	4.987	8.663	16.306	18.555	12.471
A	CÔNG TY MẸ							27.472	0	14.930	12.542	2.330	1.215	4.387	10.630	8.910
I	Các dự án đầu tư							27.450	0	14.930	12.520	2.330	1.202	4.378	10.630	8.910
I.1	Dự án đang thực hiện							3.300	0	1.210	2.090	2.300	1.000	0	0	0
1	Dự án Nhà máy đạm than Ninh Bình	A	Tập đoàn HCVN	Khu CN Khánh Phú - Ninh Bình	2008-2011	560.000 T/năm	13.340 (667 Tr USD)	3.300		1.210	1.100	2.300	1.000			
I.2	Dự án đầu tư mới							24.150	0	13.720	10.430	30	202	4.378	10.630	8.910
1	Dự án khai thác, chế biến muối mỏ tại Lào	A	Tập đoàn HCVN	Huyện Nongbok, tỉnh Khăm Muộn, CHDCND Lào	2012-2016	320.000 T/năm	7.540 (377 Tr USD)	6.400		4.400	2.000	30	60	1500	3410	1400
2	Dự án tổ hợp hóa dầu Long Sơn (góp vốn)	A	Cty TNHH hóa dầu Long Sơn	Bà Rịa - Vũng Tàu	2011-2017	400 ha	88.280 (4.414 Tr USD)	3.000			3.000		110	800	980	1.110

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Khởi công - Hoàn thành	Công suất thiết kế	TMĐT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2011-2015 (tỷ đồng)				Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)					
								Tổng số	NS	TDNN	Khác	2011	2012	2013	2014	2015	
3	Dự án Sorbitol (góp vốn)	B	Cty cổ phần Hóa chất Tây Ninh	Cụm CN Tân Hội Tây Ninh	2012-2013	30.000 T/năm (sirô 70%)	461	50			50		12	38			
4	Dự án sản xuất nguyên liệu kháng sinh bán tổng hợp (góp vốn liên doanh)	B	Liên doanh với Ampharco	Đồng Nai	2012-2014	150 T/năm	640 (32 Tr USD)	450		320	130	10	200	240			
5	Dự án sản xuất phân bón Sunphat Amon	B	Tập đoàn HCVN	Hải Phòng	2012- 2015	600.000 T/năm	5.200 (260 Tr USD)	5.200		3.000	2.200	5	295	2500	2400		
6	Dự án Lốp Radial	A	Tập đoàn HCVN	Miền Trung	2013-2018	4.000.000 lốp /năm	15.000 tỷ (750 Tr USD)	9.050		6.000	3.050	5	1.545	3.500	4.000		
II	Dự án chuẩn bị đầu tư							22	0	0	22	0	13	9	0	0	
1	Dự án sản xuất Amoniac	A	Tập đoàn HCVN		2013-2016	200.000 T/n	3.600 tỷ (180 tr USD)	3			3	3					
2	Dự án sản xuất Soda	A	Tập đoàn HCVN		2013-2017	200.000 - 500.000 T/năm	2.200- 4.500 (225 tr USD)	2			2	2					

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Khởi công - Hoàn thành	Công suất thiết kế	TMĐT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2011-2015 (tỷ đồng)				Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)				
								Tổng số	NS	TDNN	Khác	2011	2012	2013	2014	2015
3	Dự án Tổ hợp hóa chất đi từ than với các sản phẩm: Polypropylene, Butadien, Dimetyl Etc	A	Tập đoàn HCVN		2012-2017	500 ha	5.000 (250 tr USD)	3			3					
4	Dự án khai thác, chế biến Hydroxit nhôm	A	Tập đoàn HCVN	Bảo Lộc Lâm Đồng	2013-2017	600.000 T/năm	6.000 (300 Tr USD)	10			10		1	9		
5	Dự án sản xuất NPK	B	Tập đoàn HCVN	Hải Phòng	2012-2015	500.000 T/năm	300	1			1		1			
6	Dự án khai thác và chế biến Oxit Titan	A	Công ty cổ phần hoặc liên doanh	Hà Tĩnh	2012-2017	30.000 T/năm	2.600 (130 tr USD)	3			3		3			
B	ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN VÀ CÁC CÔNG TY CÓ CỔ PHẦN CHI PHỐI							33.510	0	11.340	22.170	2.657	7.448	11.919	7.925	3.561
I	Dự án đang thực hiện							20.511	0	4.439	16.072	2.655	7.315	8.121	2.070	350
A	Phân bón							14.237	0	4.125	10.112	1.663	5.250	5.604	1.720	0
1	Dự án nhà máy DAP số 2 (Tập đoàn góp 51 % vốn)	A	Công ty CP DAP số 2 Vinachem	Khu CN Tăng Lương Lào Cai	2011-2014	330.000 T/năm	5.120 (256 Tr USD)	2.600			2.600	200	900	1.400	100	

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Khởi công - Hoàn thành	Công suất thiết kế	TMĐT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2011-2015 (tỷ đồng)				Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)				
								Tổng số	NS	TDNN	Khác	2011	2012	2013	2014	2015
2	Dự án mở rộng nhà máy phân đạm Hà Bắc	A	Cty TNHH MTV Phân đạm và HC Hà Bắc	Bắc Giang	2010-2014	500.000 T/năm	10.122 (567 Tr USD)	10.116		4.125	5.991	1.438	4.100	3.400	1.178	
3	Dự án XD nhà máy NPK Thái Bình	C	Cty CP phân lân Văn Điển	Thái Bình	2007-2012		28	10			10	6	4			
4	Dự án dây chuyền axit sunfuric tinh khiết	C	Cty CP Phân bón Miền Nam		2011-2011	2000 T/năm	13	13			13	13				
5	Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất axit 400.000 T/năm, phát điện công suất 12MW và sản xuất amôn Sunphat công suất 100.000 T/năm	B	Cty CP Supe phốt phát và HC Lâm Thao	Nhà máy supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	2011-2014		1.498	1.498			1.498	6	246	804	442	
B	Quặng							406	0	314	92	244	162	0	0	0
1	DA Nhà máy tuyển apatit loại 3 khu Bắc Nhạc Sơn	B	Cty TNHH MTV Apatit VN	Xã Đồng Tuyển Lào Cai	2008-2012	350.000 T/năm	650	340		272	68	220	120			
2	Dự án ép quặng cục	C		Lào Cai	2011-2012			14	14			14	8	6		
3	Dự án xưởng tuyển fenspat mỏ Ngọt Phú Thọ	C	Cty TNHH MTV Apatit VN	Phú Thọ	2011-2012	54.000 T/năm	52	52		42	10	16	36			

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Khởi công - Hoàn thành	Công suất thiết kế	TMĐT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2011-2015 (tỷ đồng)				Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)					
								Tổng số	NS	TDNN	Khác	2011	2012	2013	2014	2015	
C	Sản phẩm cao su							5.627	0	0	5.627	514	1.896	2.517	350	350	
1	Dự án sản xuất lốp xe tải Radial	A	Cty CP Cao su Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu Đà Nẵng	2010-2013	600.000 lốp/năm	2.993	2.993			2.993	480	910	1.603			
2	Dự án sản xuất lốp xe tải toàn thép	A	Cty CP Cao su miền Nam	Bình Dương	2011-2017	1.000.000 lốp/năm	3.380	2.634			2.634	34	986	914	350	350	
D	Hóa chất cơ bản							40	0	0	40	33	7	0	0	0	
1	Đầu tư cải tạo dây chuyền sản xuất F1 công suất 60.000 T/năm	C	Cty CP Phân bón và HC Cần Thơ	Nhà máy Phân bón và HC Cần Thơ	2010-2011	60.000 T/năm	25	22			22	15	7				
2	Đầu tư hệ thống sấy và vắt zeolite	C			2010-2011	20.000 T/năm	20	11			11	11					
3	Đầu tư mở rộng nâng công suất xưởng silicat	C			2010-2011	25.000 T/năm	7	7			7	7					
Đ	Chất tẩy rửa							82	0	0	82	82					
1	Xây dựng Xưởng sản xuất chất tẩy rửa lỏng công suất 60.000 T/năm và tổng kho phân phối	B	Cty CP Bột giặt LIX		2010-2012	60.000 T/năm	82	82			82	82					

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Khởi công - Hoàn thành	Công suất thiết kế	TMĐT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2011-2015 (tỷ đồng)				Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)				
								Tổng số	NS	TDNN	Khác	2011	2012	2013	2014	2015
E	Ấc quy các loại							119	0	0	119	119	0	0	0	0
1	DA xây dựng NM Ấc quy Đồng Nai 2	B	Cty CP Pin ắc quy Miền Nam	Đồng Nai	2009-2011	600.000 kwh	236	98			98					
2	Dây chuyền hoàn tất CMF- Đồng Nai 2	C	Cty CP Pin ắc quy Miền Nam	Đồng Nai	2011-2011	450.000 bình/năm	21	21			21					
II	Dự án đầu tư mới							12.979	0	6.901	6.078	2	131	3.792	5.845	3.209
A	Phân bón							2.932	0	1.506	1.426	0	67	877	1.382	606
1	Dự án nâng công suất Nhà máy sản xuất DAP Hải Phòng từ 330.000 T/năm lên 660.000 T/năm hoặc xây dựng mới	A	Cty TNHH MTV DAP - VINACHEM	Hải Phòng	2012-2015	330.000 T/năm	2000 (100 tr USD)	2.000		1.300	700		25	400	1000	575
2	Dự án XD mới nhà máy Phân lân nung chảy	B	Cty CP Phân lân Văn Điển		2012-2014	300.000 T/năm	480	480			480		2	300	178	
3	Nhà máy phân bón NPK tại địa điểm nhà máy mới	B			2014-2014	100.000 T/năm	100	100			100		1	25	74	

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Khởi công - Hoàn thành	Công suất thiết kế	TMĐT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2011-2015 (tỷ đồng)				Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)				
								Tổng số	NS	TDNN	Khác	2011	2012	2013	2014	2015
4	Đầu tư XD nhà máy SX Phân bón NPK Công suất 400.000 T/năm	B	Cty CP Phân bón Bình Điền	Xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai	2012-2013	150.000 T/năm	77	198	132	66		1	76			
					2013-2015	250.000 T/năm	121					1	50	60	10	
5	Đầu tư XD nhà máy SX Phân bón NPK công suất 400.000 T/năm	B	Cty CP Phân bón Bình Điền	Ninh Bình	2013-2015 (Giai đoạn 1)	150.000 T/năm	88	88	58	30		1	25	50	12	
6	Dự án đầu tư dây chuyền SX phân bón NPK 100.000 T/năm trên nền tảng urea tại Nhà máy phân bón Bình Điền, Long An	C	Cty CP Phân bón Bình Điền	Nhà máy Phân bón Bình Điền Long An	2012-2012	100.000 T/năm	36	36	16	20		36				
7	Dự án xây dựng dây chuyền sản xuất NPK 1 hạt	C	Cty CP Phân lân Ninh Bình	Nhà máy Phân lân Ninh Bình	2014-2015	500.000 T/năm	30	30		30			1	20	9	
B	Quặng							1.550	0	1.085	465	0	4	1.100	399	47
1	Dự án XD nhà máy tuyển apatit loại 2	B	Cty TNHH MTV Apatit VN	Lào Cai	2013-2015		1.000	1.000		700	300		3	700	250	47
2	Dự án mở rộng nhà máy tuyển Bắc Nhạc Sơn	B	Cty TNHH MTV Apatit VN	Lào Cai	2012-2014		550	550		385	165		1	400	149	

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Khởi công - Hoàn thành	Công suất thiết kế	TMĐT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2011-2015 (tỷ đồng)				Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)				
								Tổng số	NS	TDNN	Khác	2011	2012	2013	2014	2015
C	Hóa chất cơ bản							6.300	0	4.310	1.990	0	28	1.270	3.110	1.892
1	Dự án XD Nhà máy sản xuất axit photphoric	A	Cty TNHH MTV Apatit VN	Lào Cai	2012-2015	250.000 T/năm	5000 (250 tr USD)	5.000		3.400	1.600		25	900	2500	1575
2	Dự án XD Nhà máy photpho vàng	B	Cty TNHH MTV Apatit VN	Lào Cai	2012-215	20.000 T/năm	300	300		210	90		2	150	110	38
3	Dự án XD Nhà máy sản xuất axit photphoric thực phẩm	B	Cty TNHH MTV Apatit VN	Lào Cai	2012-2015	50.000 T/năm	300	300		210	90		1	120	150	29
4	Dự án đầu tư đồng bộ nâng công suất SX xút từ 30.000 T/năm lên 50.000 T/năm	B	Cty TNHH MTV HCCB miền Nam	Đồng Nai	2013-2014	50.000 T/năm	350	350		245	105			100	250	
5	Dự án đầu tư đồng bộ nâng công suất SX xút từ 20.000 T/năm lên 40.000 T/năm	B	Công ty CP HC Việt Trì	Việt Trì Phú Thọ	2014-2015	40.000 T/năm	350	350		245	105				100	250

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Khởi công - Hoàn thành	Công suất thiết kế	TMDT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2011-2015 (tỷ đồng)				Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)				
								Tổng số	NS	TDNN	Khác	2011	2012	2013	2014	2015
D	Thuốc sát trùng							2.000	0	0	2000	0	7	440	900	653
1	Đầu tư công nghệ thiết bị tiên tiến tổ chức sản xuất các sản phẩm Thuốc bảo vệ thực vật	B	Cty CP Thuốc sát trùng VN		2012-2015	10.000-15.000 T/năm	1000 (50 Tr USD)	1.000			1000	6	200	400	394	
2	Dự án mở rộng và nâng cấp nhà máy sản xuất chế phẩm vi sinh Validamycin 3DD, 5DD lên công suất 20.000 tấn thành phẩm/năm	B	Cty CP Thuốc sát trùng VN		2012-2015	20.000 T/năm	200 (10 Tr USD)	200			200		40	100	60	
3	Dự án tổng hợp các hoạt chất trừ nấm bệnh thuộc họ Azole	B	Cty CP Thuốc sát trùng VN		2012-2015	1000 tấn KT/năm	800 (40 Tr USD)	800			800	1	200	400	199	

TT	Tên dự án	Nhóm DA	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Khởi công - Hoàn thành	Công suất thiết kế	TMĐT (tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện từ 2011-2015 (tỷ đồng)				Kế hoạch giải ngân (tỷ đồng)					
								Tổng số	NS	TDNN	Khác	2011	2012	2013	2014	2015	
Đ	Ắc quy các loại							197	0	0	197	2	25	105	54	11	
1	Dây chuyền lắp ráp bình ắc quy VRLA gắn máy - Đồng Nai 2	C	Cty CP Pin ắc quy Miền Nam	Đồng Nai	2012-2013	500.000 bình/năm	21	21			21	1	15	5			
2	Hệ thống dây nạp bình CMF- Đồng Nai	C		Đồng Nai	2012-2015	600.000 bình/năm	26	26			26	1	5	10	8	2	
3	Dây chuyền lắp ráp bình ắc quy VRLA trạm - Đồng Nai 1	C		Đồng Nai	2013-2014	75.000 bình/năm	18	18			18		1	10	7		
4	Máy bột chi 24 tấn - Đồng Nai 2	C		Đồng Nai	2013-2014	5.250 T/năm	27	27			27		1	15	11		
5	Máy trộn 1 tấn	C		Đồng Nai	2013-2014	4.500 T/năm	28	28			28		1	15	12		
6	Phân xưởng sản xuất ắc quy Đồng Nai 2	C		Đồng Nai	2013-2015	6.400 m2	72	72			72		2	50	15	5	
7	Dây chuyền dệt sừng liên tục	C	Cty CP Pin ắc quy Miền Nam	Đồng Nai	2015-2017	190 tr. sừng /năm	12	5			5				1	4	
III	Dự án chuẩn bị đầu tư							20			20		2	6	10	2	
1	Dự án sản xuất hoạt chất trừ cỏ Glyphosate tại VN	C	Cty CP Thuốc sát trùng VN				2.000 (100 Tr.USD)	20			20		2	6	10	2	